

Pháp luật về quyền lập hội - 80 năm hình thành, phát triển và định hướng trong kỷ nguyên mới

Hoàng Thục Oanh *



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Bài viết phân tích về quá trình hình thành và phát triển của pháp luật về quyền lập hội trong 80 năm qua, bao gồm giai đoạn trước Hiến pháp năm 2013 và từ Hiến pháp năm 2013 đến nay. Trong mỗi giai đoạn, bài viết chỉ ra cơ sở pháp lý cũng như những đặc điểm của pháp luật về quyền lập hội, gắn với bối cảnh lịch sử, chính trị, xã hội của giai đoạn đó. Bài viết cho thấy pháp luật về quyền lập hội đã có nền tảng hình thành khá lâu dài trong lịch sử, điều đó cho thấy vị trí đặc biệt quan trọng của quyền lập hội. Tuy nhiên, qua nhiều giai đoạn, sự thiếu vắng hệ thống quy chuẩn đầy đủ về quyền lập hội cũng như tư duy thiên về quản lý đã khiến pháp luật về quyền lập hội nảy sinh nhiều vấn đề, gây ảnh hưởng nhất định tới sự phát triển của đời sống hiệp hội. Trên cơ sở đối chiếu với những yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong kỷ nguyên mới, đặc biệt là chủ trương tinh gọn hệ thống chính trị, tăng cường vai trò của kinh tế tư nhân và phát triển đột phá khoa học, công nghệ; bài viết đưa ra một số định hướng cho việc hoàn thiện pháp luật về quyền lập hội trong thời gian tới; trong đó đặc biệt nhấn mạnh việc xây dựng Luật về hội để mở rộng khả năng thụ hưởng quyền lập hội của người dân, cũng như tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

Từ khóa: Pháp luật, Quyền lập hội, Kỷ nguyên mới.

GIỚI THIỆU

Quyền lập hội là một trong những quyền cơ bản của công dân, được quy định trong tất cả các bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 cho đến nay. Trên cơ sở đó, pháp luật về quyền lập hội được xây dựng và cụ thể hóa với nhiều chế định cụ thể nhằm tạo điều kiện cho người dân thực hành quyền này. Pháp luật về quyền lập hội trong 80 năm qua là cơ sở cho sự phát triển của đời sống hiệp hội, đảm bảo sự tồn tại và hoạt động của các hội trong phạm vi cả nước đi theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, tuân thủ pháp luật của Nhà nước, góp phần xây dựng đất nước, bảo vệ quyền lợi của hội viên. Trong thời gian gần đây, khi cả nước bắt đầu chuẩn bị cho kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, vai trò của kinh tế tư nhân ngày càng được đề cao khiến cho việc giải quyết mối quan hệ Nhà nước - Thị trường - Xã hội cần được điều chỉnh phù hợp; chủ trương tinh gọn bộ máy, quyết tâm đưa đất nước phát triển phồn vinh cũng như việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ cũng tạo ra những tác động đáng kể tới đời sống hiệp hội. Điều đó đòi hỏi pháp luật về quyền lập hội cần phải có những chuyển biến nhất định để hiệp hội thực sự góp phần vào những bước tiến của dân tộc trong thời kỳ mới. Việc phân tích, đánh giá quá trình hình thành, phát triển của pháp luật về quyền lập hội trong 80 năm qua cũng như những thành tựu, hạn

chế của pháp luật hiện hành về quyền lập hội sẽ là cơ sở để đề ra những định hướng hoàn thiện pháp luật về quyền này trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên mới.

PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN LẬP HỘI TRƯỚC HIẾN PHÁP NĂM 2013

Ngay từ những ngày đầu thành lập Nhà nước Việt Nam mới, quyền lập hội của công dân đã ghi nhận trong Hiến pháp - đạo luật cơ bản, có giá trị pháp lý cao nhất của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Hiến pháp năm 1946 quy định tại Điều 10: "*Công dân Việt Nam có quyền tự do tổ chức và hội họp*". Như vậy, quyền tự do tổ chức và hội họp được đặt bên cạnh các quyền cơ bản trong cùng Điều 10 như quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài - tổng thể các quyền tự do của công dân nước Việt Nam mới tự do và độc lập [1, tr.83-91].

Ngay sau khi bản Hiến pháp năm 1946 có hiệu lực thi hành, Điều 1 Sắc lệnh số 52 ngày 22/4/1946 quy định: "*Hội là một đoàn thể có tính cách vĩnh cửu của hai hoặc nhiều người giao ước, hiệp lực mà hành động để đạt mục đích chung, mục đích ấy không phải là để chia lợi tức*". Sắc lệnh cũng quy định thủ tục và điều kiện thành lập hội, tư cách pháp nhân của hội. Đây đều là những vấn đề căn bản nhất cho sự tồn tại và

NCS Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

Liên hệ

Hoàng Thục Oanh, NCS Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

Email: thuc.oanh.hlu@gmail.com

Lịch sử

- Ngày nhận: 19-6-2025
- Ngày sửa đổi: 24-7-2025
- Ngày chấp nhận: 07-8-2025
- Ngày đăng: 23-9-2025

DOI:

<https://doi.org/10.32508/stdjelm.v9i3.1665>



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Oanh H.T. **Pháp luật về quyền lập hội - 80 năm hình thành, phát triển và định hướng trong kỷ nguyên mới.** *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.* 2025; 9(3):6234-6240.

vận hành của hội.

Trên nguyên tắc hiến định về quyền lập hội, chỉ ít năm sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 ban bố Luật quy định quyền lập Hội đã được Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa biểu quyết tại khóa họp thứ VI. Tuy chỉ có 12 Điều ngắn gọn, Luật này đã thể chế hóa các nguyên tắc rất cơ bản về quyền lập hội của công dân: *“Quyền lập Hội của nhân dân được tôn trọng và bảo đảm. Lập Hội phải có mục đích chính đáng, phù hợp với lợi ích của nhân dân, có tác dụng đoàn kết nhân dân, để góp phần xây dựng chế độ dân chủ nhân dân của nước ta”* (Điều 1). Trên cơ sở nguyên tắc tổng quát này, Luật quy định các nguyên tắc khác về quyền lập hội; quyền tự do ra, vào hội; thể thức thành lập, hoạt động của hội; chế tài xử lý những hành vi vi phạm các quy định của Luật... Đây là những nguyên tắc hết sức tiến bộ, cho đến nay vẫn còn giữ nguyên giá trị pháp lý vì chưa có văn bản luật nào khác thay thế [2, tr.58-60].

Căn cứ vào Luật số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957, chỉ chưa đầy một tháng sau, ngày 14/6/1957, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã ký ban hành Nghị định số 258/TTg quy định chi tiết thi hành Luật này. Nghị định đã quy định cụ thể các nội dung cơ bản sau:

- Thể thức xin phép trừ bị việc lập hội.
- Thể thức xin phép chính thức thành lập hội.
- Trường hợp không cần hoặc cần phải xin phép thành lập.
- Cơ quan có thẩm quyền cho phép trừ bị lập hội, cho phép các hội được chính thức thành lập hoặc tiếp tục hoạt động.
- Quá trình hoạt động của hội (tài sản của hội; sửa đổi điều lệ; thay đổi địa điểm; lập chi nhánh; hội viên, ban lãnh đạo hội; sổ sách, chứng từ; chế độ báo cáo; kiểm tra).
- Thể thức giải tán hội.
- Chế tài xử lý vi phạm.

Trong giai đoạn tiếp theo, kế thừa nội dung của Hiến pháp năm 1946, Điều 25 Hiến pháp năm 1959 quy định: *“Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có các quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập Hội và biểu tình”*; và theo Điều 67 Hiến pháp năm 1980: *“Công dân có các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do lập Hội, tự do biểu tình phù hợp với lợi ích của chủ nghĩa xã hội và của nhân dân”*.

Sau khi đất nước hoàn toàn thống nhất, thực hiện đường lối đổi mới toàn diện từ năm 1986, để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của hội trong thời kỳ mới, ngày 05/01/1989 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ban hành Chỉ thị số 01/CT về việc

quản lý tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng. Ngày 05/6/1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng lại ký ban hành Chỉ thị số 202/CT về việc chấp hành các quy định của Nhà nước trong việc lập hội. Cả hai Chỉ thị tuy được ban hành sau hơn 30 năm kể từ khi có Luật số 102/SL-L004 và Nghị định 258/TTg nhưng đều tiếp tục khẳng định lại giá trị hiệu lực pháp lý của Luật và Nghị định này. Mặt khác, hai bản Chỉ thị đó quy định cụ thể một số nội dung liên quan đến vị trí, tính chất, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các hội, thẩm quyền quản lý hội cho phù hợp với điều kiện mới.

Đến Hiến pháp năm 1992, Điều 69 tiếp tục khẳng định: *“Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập Hội, biểu tình theo quy định của pháp luật”*. Như vậy, dù có nhiều thay đổi, phát triển, cả bốn bản Hiến pháp trước năm 2013 đều nhất quán ghi nhận quyền tự do lập hội, coi đây là một trong những quyền cơ bản, quan trọng của công dân. Giai đoạn sau Hiến pháp năm 1992, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội thay thế Quyết định số 258/TTg ngày 14/6/1957 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 về quyền lập hội. Sau 05 năm thực hiện Nghị định số 88/2003/NĐ-CP, Bộ Nội vụ đã tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội thay thế Nghị định số 88/2003/NĐ-CP. Để cụ thể hóa hơn trong một số nội dung, Chính phủ ban hành Nghị định số 03/2011/NĐ-CP ngày 07/01/2011 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hoạt động chữ thập đỏ; Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 quy định về hội có tính chất đặc thù.

Trong giai đoạn này, việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để thể chế hóa chủ trương của Đảng về tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng đã từng bước tăng cường năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hội, tạo điều kiện để các hội được thành lập, hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN LẬP HỘI TỪ HIẾN PHÁP NĂM 2013 ĐẾN NAY

Điều 25 Hiến pháp năm 2013 quy định *“Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định”*. Nguyên tắc hiến định này đã được cụ thể hóa và đảm bảo thực hiện bằng nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau như Bộ luật Lao động, Luật Công đoàn, Bộ luật Dân sự 2015. Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Thông

tư số 01/2022/TT-BNV ngày 16/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, đã có quy định về tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, trong đó có các quy định để đảm bảo tổ chức đại diện của người lao động tại cơ sở không bị chi phối bởi người sử dụng lao động như các hành vi bị nghiêm cấm đối với người sử dụng lao động liên quan đến thành lập, gia nhập và hoạt động của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở; quyền của thành viên ban lãnh đạo tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở và nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở.

Chủ trương, đường lối của Đảng về quyền lập hội cũng có những sự thay đổi nhất định kể từ khi có Hiến pháp năm 2013 đến nay, cụ thể:

- Ngày 22/9/2014, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 102-KL/TW với nội dung: (1) Không quy định hội có tính chất đặc thù; (2) Đối với các hội do Đảng có nhu cầu, chỉ đạo thành lập và Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Hội Xuất bản Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam thì Nhà nước tiếp tục cấp kinh phí và tạo điều kiện hoạt động; (3) Các hội khác đã được giao biên chế và cấp kinh phí thì giữ ổn định đến hết năm 2016, từ năm 2017 đến năm 2020 từng bước thực hiện khoán kinh phí; (4) Các hội còn lại tự trang trải kinh phí, được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí theo nhiệm vụ được giao.
- Năm 2016, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, trong đó có nội dung *“Quy định chặt chẽ việc thành lập tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng; thực hiện nghiêm túc và nhất quán nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí hoạt động và tuân thủ pháp luật; Nhà nước chỉ cấp kinh phí để thực hiện những nhiệm vụ do Đảng và Nhà nước giao”*.
- Năm 2020, Kết luận số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư về hội quần chúng trong tình hình mới quy định: (1) Đối với các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thì ban hành tiêu chí để giao biên chế, điều kiện hoạt động cho hội phù hợp với nhiệm vụ được giao, từ năm 2021 thực hiện việc khoán kinh phí; (2) Các hội quần chúng khác đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh

phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật; được Nhà nước giao một số dịch vụ công đối với những tổ chức hội có điều kiện tổ chức thực hiện; và (3) Tăng cường công tác quản lý nhà nước, thể chế hoá kịp thời, đồng bộ chủ chương của Đảng về hội quần chúng. Quy định chặt chẽ việc thành lập, đình chỉ hoạt động, giải thể và sáp nhập hội; việc thẩm định, phê duyệt điều lệ; việc thành lập các đơn vị, pháp nhân trực thuộc hội; việc quản lý, sử dụng tài chính của hội từ nguồn viện trợ, tài trợ trong nước và nước ngoài; có cơ chế quản lý chặt chẽ tổ chức và hoạt động của hội quần chúng sau cấp phép; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật.

- Năm 2023, Quyết định số 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương đã ban hành danh sách 30 hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương.

Trên cơ sở đó, gần đây nhất, ngày 08/10/2024 Chính phủ ban hành Nghị định số 126/2024/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. Về đối tượng áp dụng, so với Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, văn bản mới bổ sung quy định không áp dụng Nghị định này đối với tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động. Nghị định số 126/2024/NĐ-CP đã quy định cụ thể hơn về số lượng tổ chức, công dân Việt Nam đăng ký tham gia thành lập hội như ít nhất 100 tổ chức, công dân tại hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên cho hội toàn quốc; 50 tổ chức, công dân tại hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên cho hội ở tỉnh; 20 tổ chức, công dân tại hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên cho hội ở huyện và 10 tổ chức, công dân tại đơn vị hành chính cấp xã cho hội ở xã. Hội phải có đủ tài sản để duy trì hoạt động. Tuy nhiên, Nghị định này chưa quy định chi tiết giá trị tài sản tối thiểu là bao nhiêu để duy trì hoạt động của hội. Nghị định mới cũng có riêng một điều quy định cơ sở dữ liệu về hội phục vụ cho công tác quản lý nhà nước mà Nghị định số 45/2010/NĐ-CP chưa quy định. Quy định mới rút ngắn thời gian phải tổ chức đại hội thành lập hội từ 90 ngày xuống còn 60 ngày kể từ ngày có quyết định cho phép thành lập hội. Quy định trước đây có 01 chương quy định về hội có tính chất đặc thù tuy nhiên để thể chế hóa Quy định số 118-QĐ/TW của Ban Bí thư về Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thì Nghị định mới đã dành một chương để quy định về các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, thay thế tên gọi hội có tính

chất đặc thù trước đây. Nghị định số 126/2024/NĐ-CP cũng đã quy định về điều khoản phân cấp thành lập và quản lý hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, cụ thể như sau: (1) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội; cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh; (2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội; cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã. Nghị định về cơ bản đã giải quyết được các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong thực tiễn quản lý hội; đổi mới và nâng cao phương thức hoạt động của hội theo hướng tự chủ, tự quản, Nhà nước hỗ trợ kinh phí theo nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước và bối cảnh thực tiễn.

Đánh giá chung về giai đoạn này, có thể thấy một vấn đề tồn tại đó là việc duy trì hiệu lực của Luật về Hội năm 1957 cho đến ngày nay là biểu hiện rõ nét của sự lỗi thời trong hệ thống pháp luật hiện hành. Được ban hành trong bối cảnh lịch sử, chính trị và xã hội hoàn toàn khác biệt, Luật về Hội năm 1957 không còn phù hợp với yêu cầu của một nhà nước pháp quyền hiện đại và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Những quy định mang tính sơ khai, đơn tuyến và thiên về kiểm soát trong đạo luật này không đáp ứng được các nguyên tắc về quyền con người, quyền công dân theo chuẩn mực quốc tế mà Việt Nam đã cam kết thực hiện. Việc tiếp tục áp dụng một văn bản pháp luật đã tồn tại hơn sáu thập kỷ, không được cập nhật, sửa đổi kịp thời đã tạo ra khoảng trống pháp lý và nhiều bất cập trong thực tiễn, cản trở sự phát triển của các tổ chức xã hội và làm suy giảm niềm tin của người dân vào khả năng bảo đảm quyền lập hội của pháp luật Việt Nam. Quyền lập hội gắn liền với quyền tự do tổ chức và tập hợp của người dân – một lĩnh vực nhạy cảm về chính trị và xã hội. Nhà nước vẫn có quan điểm quản lý chặt chẽ nhằm bảo đảm trật tự an toàn xã hội, ổn định chính trị và tránh nguy cơ hình thành các tổ chức có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sự lãnh đạo toàn diện của Đảng. Trong quá trình xây dựng Dự thảo Luật về Hội, đã từng có nhiều ý kiến khác nhau về phạm vi điều chỉnh, đặc biệt là vấn đề quy định đối với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ... Những bất đồng về cách phân loại, cơ chế quản lý và quyền tự chủ của các hội đã dẫn đến việc dự thảo luật nhiều lần bị trì hoãn. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự phát triển đa dạng của các loại hình tổ chức xã hội

dân sự, việc xây dựng một đạo luật có thể bao quát đầy đủ, vừa đảm bảo quyền lập hội, vừa đảm bảo hiệu lực quản lý nhà nước là một thách thức lớn. Do chưa đạt được sự hài hòa giữa hai mục tiêu đó, nhà làm luật lựa chọn phương án tiếp tục điều chỉnh bằng các nghị định. Đây là vấn đề cần được cải thiện trong thời gian tới.

NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA TRONG KỶ NGUYÊN MỚI VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỘI

Nội hàm của khái niệm “Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam” thể hiện ở việc đây là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sau gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, đất nước ta đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng con người, bảo đảm quốc phòng an ninh, hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, làm cho cơ sở, tiềm lực, vị thế của đất nước được nâng lên tầm cao mới, bảo đảm cơ sở cho đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên phát triển trở thành nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc³.

Trước bối cảnh kỷ nguyên mới, vấn đề quyền con người tiếp tục được quan tâm và chiếm vị trí quan trọng. Trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước, con người là trung tâm, động lực của sự phát triển. Trung tâm, động lực đó thể hiện thông qua vai trò, sức mạnh, vị trí của con người trong phát triển đất nước. Quyền con người là một nguồn lực, động lực phát triển đất nước, thúc đẩy, gia tăng quyền con người là thúc đẩy, gia tăng nguồn lực, động lực phát triển đất nước. Đó là nguồn lực, động lực vừa mang tính năng lượng, năng lực, khả năng tiềm tàng vừa mang tính hiện thực, kết quả cụ thể của phát triển đất nước. Quyền con người là nguồn lực, động lực vô tận của phát triển đất nước. Công nhận, tôn trọng, bảo đảm, thúc đẩy, bảo vệ quyền con người là công nhận, tôn trọng, bảo đảm, thúc đẩy, bảo vệ nguồn lực, động lực vô tận để phát triển đất nước. Vấn đề đặt ra là phải làm sao để công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân trong hiện thực để phát huy nguồn lực, động lực phát triển đất nước⁴, tr. 3 – 10].

Việc đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về quyền lập hội cần được đặt trong bối cảnh tổng thể của công cuộc cải cách thể chế và đổi mới hệ thống chính trị đang diễn ra sâu sắc tại Việt Nam. Những

định hướng cải cách lớn này không chỉ tạo ra môi trường thuận lợi mà còn đặt ra những yêu cầu mới, mang tính bắt buộc đối với việc thiết kế một khung pháp lý về hội trong tương lai. Có thể nhận diện một số xu hướng chủ đạo sau:

Thứ nhất, về định hướng sửa đổi, bổ sung hiến pháp và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền. Quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam với tinh thần của Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 đang đặt ra yêu cầu rà soát và hoàn thiện toàn diện hệ thống pháp luật, trong đó có cả các quy định nền tảng trong hiến pháp. Điều này đòi hỏi Luật về hội tương lai phải có tầm nhìn dài hạn, được xây dựng trên các nguyên tắc pháp quyền vững chắc, đảm bảo tính hợp hiến và có khả năng tương thích với một thể chế chính trị - pháp lý ngày càng được hoàn thiện.

Thứ hai, về định hướng tổ chức lại mô hình chính quyền địa phương và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền. Chủ trương nghiên cứu, tổ chức lại chính quyền địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả theo mô hình 02 cấp và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho sẽ tác động trực tiếp đến cơ chế quản lý nhà nước đối với hội. Điều này đặt ra yêu cầu:

Một là, pháp luật về hội phải thiết kế cơ chế quản lý nhà nước linh hoạt, không “đóng cứng” thẩm quyền vào một mô hình chính quyền địa phương 03 cấp như trước kia mà phải dựa trên nguyên tắc phân định rõ chức năng, nhiệm vụ giữa các cấp, phù hợp với năng lực và nguyên tắc gần dân.

Hai là, việc đẩy mạnh phân cấp đòi hỏi phải có các quy định khung ở trung ương đủ rõ ràng, minh bạch để chính quyền địa phương thực thi một cách thống nhất, tránh tùy tiện nhưng cũng phải trao đủ quyền tự chủ để địa phương quyết định các vấn đề phù hợp với đặc thù của mình.

Ba là, phân cấp, phân quyền cũng mở ra cơ hội để các hội tham gia mạnh mẽ hơn vào các hoạt động cung cấp dịch vụ công, giám sát và phản biện ở cấp địa phương, đòi hỏi pháp luật phải có cơ chế công nhận và tạo điều kiện cho vai trò đối tác này.

Thứ ba, về định hướng đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy và đổi mới hoạt động của các hội quần chúng bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng là một xu hướng lớn. Điều này đặt ra yêu cầu phải làm rõ hơn nữa mối quan hệ pháp lý giữa các “hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ” và các hội khác do công dân tự nguyện thành lập theo Điều 25 Hiến pháp năm 2013. Một mô hình pháp luật về hội tiến bộ cần phải giải quyết được bài toán này, tạo ra sân chơi pháp lý chung, bình đẳng hơn trên cơ

sở các nguyên tắc pháp quyền, đồng thời ghi nhận vai trò, vị trí đặc thù của các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Thứ tư, về nhận thức coi kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất, điều này có vai trò lớn trong thúc đẩy dân chủ hóa đất nước. Điều này thể hiện ở 5 điểm sau [5, tr. 44- 48]: (1) Kinh tế phát triển sẽ làm hình thành tầng lớp trung lưu với vai trò là chỗ dựa cho dân chủ; (2) Kinh tế phát triển sẽ thay đổi tư duy của xã hội theo hướng tôn trọng tự do cá nhân và quyền tự quyết; (3) Kinh tế phát triển giúp nâng cao dân trí và ý thức của người dân về quyền làm chủ; (4) Kinh tế phát triển làm giàu khu vực tư và hoạt động độc lập với nhà nước; và (5) Kinh tế phát triển thúc đẩy mở cửa và hội nhập với nền dân chủ thế giới. Điều này làm chúng ta phải nhận thức lại vai trò của đời sống hiệp hội trong bối cảnh mới. Điều này thể hiện ở chỗ: (1) Các tổ chức xã hội thúc đẩy sự tham gia của người dân vào đời sống kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội; từ đó tạo nên một không khí dân chủ, cởi mở, thúc đẩy liên chính, minh bạch, hạn chế tham nhũng thông qua những liên kết bất chính giữa doanh nghiệp với nhà nước; (2) Các tổ chức xã hội góp phần cung ứng các dịch vụ xã hội mà doanh nghiệp thường không đầu tư tới do hiệu quả thấp; qua đó chúng góp phần cho sự hài hòa của thị trường và bổ sung thêm những kênh đầu tư gián tiếp cho doanh nghiệp; (3) Các tổ chức xã hội góp phần lan tỏa các giá trị tri tuệ của con người, qua đó hỗ trợ nhà nước, doanh nghiệp trong việc xây dựng nền kinh tế tri thức, hướng tới tăng trưởng bền vững. Điều này cho thấy vấn đề quyền lập hội lại càng được đặt ra một cách cấp thiết hơn trong xu hướng phát triển kinh tế đặt ra từ kỷ nguyên mới.

Có thể nói, tác động của bối cảnh kỷ nguyên mới tới quyền lập hội là rất rõ rệt. Xu hướng chung của những tác động đó là sự tự do hóa và mở rộng hơn nữa để đời sống hiệp hội có thể phát triển, quay trở lại phục vụ đời sống nhân dân và đóng vai trò một bộ phận quan trọng trong mối quan hệ Nhà nước - Thị trường - Xã hội. Để làm được điều đó, pháp luật về quyền lập hội cần được hoàn thiện theo những định hướng như sau:

- Cần sớm có Luật về hội do Quốc hội ban hành, bố cục của Luật cần tập trung vào các nội dung về điều kiện thành lập hội, quyền và nghĩa vụ của hội, những bảo đảm của Nhà nước để hội hoạt động, xử lý vi phạm, quản lý nhà nước đối với hội, tránh sa vào quy định các nội dung thuộc về tổ chức và hoạt động của hội thuộc phạm vi Điều lệ hội quy định. Như vậy, khuôn khổ cho sự tồn tại và hoạt động của hội sẽ đảm bảo được tự do hơn.

- Về hạn chế quyền tự do lập hội, cần nghiên cứu từng bước để công dân, tổ chức nước ngoài được là hội viên chính thức, bình đẳng như công dân, tổ chức Việt Nam đối với loại hình hội các tổ chức kinh tế. Hiện nay, có khá nhiều doanh nghiệp nước ngoài hoạt động ở Việt Nam nhưng do không được coi là hội viên chính thức nên các doanh nghiệp này không mặn mà tham gia hội nhất là hiệp hội của các tổ chức kinh tế. Do vậy, gây thiệt thòi không nhỏ về những nguồn lực có thể được đóng góp bởi các đơn vị này cho hội. Điều này cũng chưa phù hợp với chủ trương đã được Tổng bí thư nêu ra: *“kinh tế tư nhân (gồm cả khu vực tư nhân trong nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài) là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia”*.

KẾT LUẬN

Pháp luật về quyền lập hội ở Việt Nam qua 80 năm đã dần được hình thành với tư tưởng xuyên suốt là quyền tự do lập hội được tất cả các bản Hiến pháp ghi nhận. Mặc dù hiện nay hệ thống pháp luật về quyền lập hội vẫn chưa thực sự đầy đủ, hoàn thiện nhưng thực tế sinh động của đời sống hiệp hội cho thấy pháp luật về quyền lập hội luôn phải phát triển và đáp ứng với nhu cầu của xã hội. Trong bối cảnh kỷ nguyên mới, sự phát triển kinh tế và khoa học, công nghệ tất yếu dẫn tới nhu cầu mạnh mẽ về quyền lập hội. Xu hướng tinh gọn bộ máy cũng phần nào khiến các hội đặc thù ở nước ta phải điều chỉnh theo hướng tự chủ, tự quản hơn và chấp nhận một “sân chơi” bình đẳng hơn. Tất cả những điều trên đòi hỏi pháp luật về quyền lập hội cần phải sớm hoàn thiện, đặc biệt là một đạo luật về quyền này với nội dung, tư tưởng tự do, rộng mở hơn.

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

SL: Sắc lệnh
CT: Chỉ thị
NĐ: Nghị định
CP: Chính phủ
QĐ: Quyết định
BNV: Bộ Nội vụ
KL: Kết luận
TW: Trung ương
NQ: Nghị quyết

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Tác giả xin cam đoan rằng không có xung đột lợi ích nào trong công bố bài viết này

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả phụ trách tất cả các nội dung của bài báo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nữ NT. Quyền lập hội theo hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn. 2021;6.
2. Hà N. Hội và quyền tự do lập hội. Tạp chí Tổ chức nhà nước. 2016;9.
3. Tấn TN. Cơ sở vững chắc cho đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam; 2025. Available from: https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/co-so-vung-chac-cho-dat-nuoc-buoc-vao-ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-viet-nam.
4. Vinh VK, Khoát NV. Phát triển mạnh mẽ quyền con người, lấy quyền con người là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới. Tạp chí Dân chủ và pháp luật. 2024;12.
5. Mai L. Dân chủ hóa ở Hàn Quốc, Nhật Bản và những giá trị tham khảo đối với Việt Nam. [Luận án tiến sĩ Chính trị học]. In: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Hà Nội; 2016.



Legislation on the right of association - 80 years of formation, development, and orientations for the new era

Hoang Thuc Oanh *



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

This article examines the formation and evolution of legal provisions concerning the right of association over the past 80 years, encompassing both the period before and after the 2013 Constitution. For each historical phase, the article identifies the legal foundations and distinctive features of the law on the right of association, contextualized within the historical, political, and social circumstances of the respective era. The analysis reveals that the legal framework for the right of association has a long-standing historical foundation, underscoring its particularly significant status. However, across different periods, the absence of a comprehensive regulatory system and a management-oriented legal mindset have led to numerous issues within the legal regulation of this right, thereby exerting a tangible impact on the development of associational life. Against the backdrop of contemporary demands and tasks—especially the strategic goals of streamlining the political system, enhancing the role of the private sector, and achieving scientific and technological breakthroughs—the article proposes several orientations for the improvement of legislation on the right of association in the near future. In particular, it emphasizes the necessity of enacting an Association Law to expand citizens' access to the right of association and to strengthen the effectiveness of state management in this domain.

Key words: Law, Freedom of association, New era.

PhD Candidate, Hanoi Law University, Hanoi, Vietnam

Correspondence

Hoang Thuc Oanh, PhD Candidate, Hanoi Law University, Hanoi, Vietnam
Email: thuc.oanh.hlu@gmail.com

History

- Received: 19-6-2025
- Revised: 24-7-2025
- Accepted: 07-8-2025
- Published Online: 23-9-2025

DOI :

<https://doi.org/10.32508/stdjelm.v9i3.1665>



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Oanh H T. **Legislation on the right of association - 80 years of formation, development, and orientations for the new era.** *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.* 2025; 9(3):6234-6240.